

Số: 1327/QĐ-YHB

Hải Phòng, ngày 09 tháng 12 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự toán và nguồn vốn gói thầu: Mua sắm sinh phẩm xét nghiệm năm 2025-2026 của Viện Y học biển

### VIỆN TRƯỞNG VIỆN Y HỌC BIỂN

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024, Luật số 90/2024/QH15 ngày 25/06/2025;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 921/QĐ-BYT ngày 11/4/2024 của Bộ Y tế Quy định thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 930/2001/QĐ-BYT ngày 27/3/2001 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc thành lập Viện Y học biển trực thuộc Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 1283/QĐ-YHB ngày 17/11/2025 của Viện trưởng Viện Y học biển về việc phê duyệt Danh mục, số lượng, yêu cầu kỹ thuật và giá dự kiến gói thầu: Mua sắm sinh phẩm xét nghiệm năm 2025-2026 của Viện Y học biển;

Căn cứ giá trúng thầu được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia và báo giá của các nhà thầu kính gửi Viện Y học biển;

Theo đề nghị của Hội đồng tư vấn xét duyệt mua sắm vật tư y tế, hoá chất, sinh phẩm của Viện Y học biển,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt dự toán và nguồn vốn gói thầu: Mua sắm sinh phẩm xét nghiệm năm 2025-2026 của Viện Y học biển, với nội dung như sau:

- Tên dự toán: Mua sắm sinh phẩm xét nghiệm năm 2025-2026 của Viện Y học biển.

- Tổng giá trị dự toán: **5.650.339.379 đồng** (Bằng chữ: Năm tỷ sáu trăm năm mươi triệu ba trăm ba mươi chín nghìn ba trăm bảy mươi chín đồng).

- Chi phí mua sắm sinh phẩm xét nghiệm: **5.620.339.379 đồng**

- Chi phí khác: 30.000.000 đồng, trong đó:

+ Chi phí tư vấn lập E-HSMT, đánh giá E-HSDT: 20.000.000 đồng;

+ Chi phí tư vấn thẩm định E-HSMT, thẩm định kết quả LCNT: 10.000.000 đồng;

- Tên chủ đầu tư: Viện Y học biển
- Nguồn vốn: Nguồn thu sự nghiệp
- Thời gian thực hiện dự toán: 18 tháng
- Địa điểm, quy mô dự toán: Tại Viện Y học biển, gồm 01 gói thầu có danh mục hàng hóa mua sắm, số lượng, đơn giá.

*(Có Phụ lục kèm theo).*

**Điều 2.** Giao cho Khoa Dược phối hợp với Phòng Tài chính Kế toán xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện các thủ tục mua sắm trình Viện trưởng phê duyệt.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Các Ông (Bà) Trưởng Khoa Dược, Trưởng phòng Tài chính Kế toán, các khoa, phòng và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Lưu: VT, TCKT, KD.



**VIỆN TRƯỞNG**

**TS.BSNT Nguyễn Bảo Nam**



**PHỤ LỤC: DANH MỤC DỰ KIẾN MUA SẴM SINH PHẨM XÉT NGHIỆM NĂM 2025-2026 CỦA VIỆN Y HỌC BIỂN**

(Kèm theo Quyết định số 1323/QĐ-YHB ngày 09/12/2025 của Viện trưởng Viện Y học biển)

ST T	Tên hàng hoá	Đặc điểm, thông số kỹ thuật hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng	Giá dự toán đã có VAT (VNĐ)	Thành tiền dự toán đã có VAT (VNĐ)
<b>Lô 1: Sinh phẩm xét nghiệm bằng mẫu máu</b>						
1	Khay thử xét nghiệm định tính kháng thể IgG và IgM kháng HAV	<p>Test thử nhanh đồng thời phát hiện và phân biệt kháng thể IgG và IgM kháng vi rút viêm gan A ở huyết thanh hoặc huyết tương người với 3 vạch được phủ sẵn trên bề mặt màng: “G” (vạch thử HAV IgG), “M” (vạch thử HAV IgM) và “C” (vạch chứng).</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Độ nhạy 97.6% và độ đặc hiệu là 98%</li><li>- Thê tích sử dụng huyết thanh hoặc huyết tương chỉ là 5 µL và thời gian đọc kết quả là 20 phút</li><li>- 1 test thử bao gồm:</li><li>- Phức hợp vàng: Kháng thể đơn dòng chuột kháng vi rút viêm gan A- keo vàng (1,0± 0,2 µg)</li><li>- Vạch thử “G”: Kháng thể đơn dòng chuột kháng IgG người (0,640± 0,128 µg)</li><li>- Vạch thử “M”: Kháng thể đơn dòng chuột kháng IgM người (0,224± 0,045 µg)</li><li>- Vạch chứng: Kháng thể dê kháng IgG chuột (0,640± 0,128 µg)</li><li>- Tiêu chuẩn CFS, EU</li></ul>	Test	500	101.430	50.715.000
2	Khay thử xét nghiệm định tính kháng thể kháng HCV	<p>Phát hiện kháng thể đặc hiệu kháng HCV trong mẫu huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần người, phù hợp để sử dụng trên mẫu phụ nữ mang thai.</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: 99.4% so với RT- PCR</li><li>- Thời gian trả kết quả: 5- 20 phút</li><li>- Thê tích mẫu sử dụng: 10µl với mẫu máu toàn phần, huyết thanh và huyết tương người</li><li>- Ngưỡng phát hiện ở nồng độ pha loãng gấp 4096 lần với huyết thanh dương tính kháng Anti- HCV</li><li>- Độ ổn định sau khi mở túi nhôm ít nhất 72 giờ</li><li>- Dạng khay. Hộp 100 test</li><li>- Vạch thử: Kháng nguyên HCV tái tổ hợp (lõi, NS3, NS4, NS5), vạch chứng: Globulin miễn dịch dê kháng người.</li><li>- Không có phản ứng chéo với các mẫu Kháng thể HBs, CMV, HIV, Giang mai, Xoắn khuẩn Borrelia burgdorferi, EBV, HTLV, Ký sinh trùng Toxoplasma, Chlamydia, HBsAg, Cúm, Trypanosoma cruzi I /II</li></ul>	Test	1.700	28.560	48.552.000

ST T	Tên hàng hoá	Đặc điểm, thông số kỹ thuật hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng	Giá dự toán đã có VAT (VNĐ)	Thành tiền dự toán đã có VAT (VNĐ)
3	Khay thử xét nghiệm định tính kháng thể kháng Syphilis	<p>Phát hiện tất cả các type kháng thể (IgG, IgM, IgA) kháng Treponema pallidum trong huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ nhạy: 99.3% và Độ đặc hiệu: 99.5% so với TPHA.</li> <li>- Test thử được phủ sẵn kháng nguyên Treponema pallidum tái tổ hợp (17kDa, 15 kDa) trên vùng vạch thử.</li> <li>- Thời gian trả kết quả: 5- 20 phút</li> <li>- Thể tích mẫu sử dụng: huyết thanh/huyết tương: 10 uL; máu toàn phần: 20uL</li> <li>- Giới hạn phát hiện: ở ngưỡng pha loãng 256 lần của mẫu huyết thanh dương tính với giang mai</li> <li>- Kít thử hoạt động ổn định ít nhất 48 giờ sau khi mở túi nhôm.</li> <li>- Không có phản ứng chéo với các mẫu HIV, HBV, HCV, HTLV, EBV, CMV, Chlamydia, cúm, ký sinh trùng Toxoplasma, bệnh nhân ung thư, xoắn khuẩn Borrelia burgdorferi IgG/IgM và Trypanosomiasis (T.cruzi I/II).</li> </ul> <p>Tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương</p>	Test	19.700	18.000	354.600.000
4	Test thử nhanh Dengue IgG&IgM Cassette	<p>Phát hiện và phân biệt kháng thể IgG và IgM kháng các type virus Dengue 1,2,3 và 4 trong mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ nhạy 94,6%, Độ đặc hiệu 96,5% so với phương pháp ELISA.</li> <li>- Các mẫu bệnh phẩm huyết tán, nhiễm mỡ, mật và những mẫu có chứa các yếu tố dạng thấp đã được khảo sát không gây nhiễu cho sản phẩm</li> <li>- Phức hợp vàng: Keo vàng Ab kháng dengue đơn dòng chuột, keo vàng Ab chuột. Vạch chứng: IgG dê kháng chuột</li> <li>- Đọc kết quả trong 15- 20 phút</li> <li>- Thể tích mẫu sử dụng: 5 µl</li> <li>- Giới hạn phát hiện ở nồng độ pha loãng 256 lần mẫu huyết thanh có kháng thể IgG kháng Dengue</li> <li>- Tiêu chuẩn ISO, CE, CFS EU, CFS Australia</li> </ul>	Test	3.250	57.078	185.503.500
5	Test thử nhanh Denge NS1 Antigen Cassette	<p>Phát hiện kháng nguyên NS1 trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần của người.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ nhạy <math>\geq 92,4\%</math> và độ đặc hiệu <math>\geq 98,4\%</math> so với RT- PCR</li> <li>- Phức hợp vàng: Keo vàng- pool NS1 kháng dengue đơn dòng chuột, Keo vàng- IgY gà</li> <li>Vạch chứng: Kháng thể đơn dòng chuột kháng gà IgY</li> <li>- Không cần dung dịch pha loãng.</li> </ul>	Test	5.400	59.997	323.983.800

ST T	Tên hàng hoá	Đặc điểm, thông số kỹ thuật hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng	Giá dự toán đã có VAT (VNĐ)	Thành tiền dự toán đã có VAT (VNĐ)
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các mẫu bệnh phẩm huyết tán, nhiễm mỡ, mật và những mẫu có chứa các yếu tố dạng thấp không gây nhiễu cho sản phẩm.</li> <li>- Mẫu máu toàn phần được sử dụng trong vòng 3 ngày nếu bảo quản từ 2 đến 8°C</li> <li>- Có nghiên cứu độ nhạy đối với lây nhiễm nguyên phát và lây nhiễm thứ phát. Có nghiên cứu trên các type Dengue</li> <li>- 4 tác nhân gây bệnh có tiềm năng gây phản ứng chéo gồm Bệnh viêm não Nhật Bản, Sốt vàng da, Malaria P. falciparum, Malaria P. vivax không ảnh hưởng đến kết quả của test thử.</li> <li>- Thanh thử ổn định ít nhất 72 giờ sau khi mở túi nhôm.</li> <li>- Giới hạn phát hiện các serotype DENV Type 1: <math>1.95 \times 10^4</math> TCID50/ml</li> </ul>				
6	Chất thử xác định nhóm máu Anti-D	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiệu giá <math>\geq 1:128</math></li> <li>- Độ đặc hiệu 100%</li> <li>- Độ nhạy 100%.</li> <li>- Bảo quản từ 2- 8 độ C.</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016 hoặc tương đương</li> </ul>	Lọ	56	219.849	12.311.544
7	Xét nghiệm phát hiện HBeAb trong máu toàn phần, huyết thanh, huyết tương	<ul style="list-style-type: none"> <li>Phát hiện HbeAb trong máu toàn phần, huyết thanh, huyết tương</li> <li>- Độ nhạy 95.6%</li> <li>- Độ đặc hiệu 99.3%</li> <li>- Mẫu phẩm: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần</li> <li>- Thành phần kit thử: Kháng nguyên HBcAg tái tổ hợp (0,16 µg)</li> <li>- Vạch kết quả Kháng thể đơn dòng, kháng HBcAb (0,2 µg);</li> <li>- Vạch chứng: Kháng thể đa dòng tái tổ hợp kháng HBcAg (0,88 µg)</li> <li>- Bảo quản ở nhiệt độ thường</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016 hoặc tương đương</li> </ul>	Test	150	9.492	1.423.800
8	Xét nghiệm phát hiện HBeAg trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương của người	<ul style="list-style-type: none"> <li>Phát hiện HBeAg trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương của người.</li> <li>- Mẫu phẩm: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần</li> <li>- Độ nhạy: 96.2% ; Độ đặc hiệu: 99.4% ; Khoảng tin cậy: 95%</li> <li>- Thành phần Kit thử: Vùng cộng hợp: Kháng thể đơn dòng kháng HBe (0,16 µg);</li> <li>- Vạch kết quả: Kháng thể đơn dòng kháng HBe (0,2 µg); Vạch chứng: Kháng thể đa dòng đa kháng chuột (0,88 µg)</li> <li>- Bảo quản ở nhiệt độ thường</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016 hoặc tương đương</li> </ul>	Test	250	9.030	2.257.500

ST T	Tên hàng hoá	Đặc điểm, thông số kỹ thuật hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng	Giá dự toán đã có VAT (VNĐ)	Thành tiền dự toán đã có VAT (VNĐ)
9	Viêm gan E (HEV IgM)	<p>Định tính phát hiện kháng thể IgM kháng HEV</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mẫu thử: huyết thanh, huyết tương.</li> <li>- Độ nhạy tương quan: 98,1%; Độ đặc hiệu tương quan: 99,2%</li> </ul> <p>Khay thử bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Vùng cộng hợp có màu đỏ tía được phủ sẵn cộng hợp vàng kháng nguyên HEV (cộng hợp HEV) và một cộng hợp kháng thể kiểm soát.</li> <li>2. Một màng nitrocellulose chứa một vạch kết quả (vạch T) và một vạch chứng (vạch C). Vạch T được phủ sẵn kháng thể đơn dòng kháng IgM- người và vạch C được phủ sẵn kháng thể kiểm soát</li> </ol> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kit thử bảo quản nhiệt độ thường</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương</li> </ul>	Test	400	32.000	12.800.000
10	Chất thử xác định nhóm máu Anti-AB	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiệu giá <math>\geq 1:256</math></li> <li>- Độ đặc hiệu 100%</li> <li>- Độ nhạy 100%</li> <li>- Bảo quản từ 2- 8 độ C</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016 hoặc tương đương</li> </ul>	Lọ	115	97.713	11.236.995
11	Chất thử xác định nhóm máu Anti-B	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiệu giá <math>\geq 1:256</math></li> <li>- Độ đặc hiệu 100%</li> <li>- Độ nhạy 100%</li> <li>- Bảo quản từ 2- 8 độ C</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016 hoặc tương đương</li> </ul>	Lọ	114	89.565	10.210.410
12	Chất thử xác định nhóm máu Anti-A	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiệu giá <math>\geq 1:256</math></li> <li>- Độ đặc hiệu 100%</li> <li>- Độ nhạy 100%</li> <li>- Bảo quản từ 2- 8 độ C</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016 hoặc tương đương</li> </ul>	Lọ	112	89.565	10.031.28
13	Xét nghiệm phát hiện kháng thể kháng HIV	<p>Phát hiện tất cả các type kháng thể (IgG, IgM, IgA), phân biệt virus HIV-1 bao gồm type phụ O và HIV-2 bằng sự hình thành 3 vạch rõ ràng trong mẫu huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: 99.8% so với ELISA</li> <li>- Nhạy với IgM trong giai đoạn nhiễm bệnh sớm</li> <li>- Được ban hành trong Hướng dẫn Quản Lý, Điều trị và chăm sóc HIV/AIDS của BHYT năm 2015.</li> <li>- Được ban hành trong Khuyến cáo phương cách xét nghiệm chẩn đoán HIV quốc gia năm 2020 của Viện vệ sinh dịch tễ trung ương.</li> <li>- Thẻ tích mẫu sử dụng: huyết thanh/huyết tương: 10 uL; máu toàn phần: 20uL</li> <li>- Không có phản ứng chéo với các mẫu</li> </ul>	Test	37.000	32.550	1.204.350.000

ST T	Tên hàng hoá	Đặc điểm, thông số kỹ thuật hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng	Giá dự toán đã có VAT (VNĐ)	Thành tiền dự toán đã có VAT (VNĐ)
		thăm tách máu, mẫu rối loạn đông máu, mẫu dương tính với kháng thể kháng HCV và mẫu máu phụ nữ mang thai. - Thời gian trả kết quả: 10- 20 phút - Dạng khay. Hộp 100 test				
14	Test định tính kháng nguyên HBsAg trong mẫu huyết thanh, huyết tương người	Phát hiện định tính kháng nguyên HBsAg trong mẫu huyết thanh, huyết tương người, phù hợp để sử dụng trên mẫu phụ nữ mang thai. - Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: 100% - Thành phần: + Phức hợp vàng: Kháng thể đơn dòng chuột kháng HBs- keo vàng (0.026± 0.008 µg), keo vàng- IgY gà (0.032± 0.009 µg) + Vạch thử: Hỗn hợp kháng thể đơn dòng chuột kháng HBs (0.44± 0.088 µg) + Vạch chứng: Kháng thể đơn dòng chuột kháng gà IgY (0.48± 0.096 µg) - Thời gian trả kết quả: 20 phút - Thẻ tích mẫu sử dụng: huyết thanh/huyết tương: 100 µL; - Ngưỡng phát hiện: 2 IU/ml - Nhiệt độ bảo quản: 1- 30 °C - Dạng khay. Hộp 30 test	Test	57.000	17.514	998.298.000
<b>Lô 2: Sinh phẩm xét nghiệm bằng mẫu nước tiểu</b>						
1	Que thử phân tích nước tiểu	Các chỉ số đo: Leukocytes, Nitrite, Urobilinogen, Protein, pH, Blood, Specific Gravity, Ketone, Bilirubin, Glucose. Dải đo của các chỉ số: - Leukocytes: 5- 15 cells/µ L - Nitrite: 13- 22 µ mol/L - Urobilinogen: 3.2- 16 µ mol/L - Protein: 0.15- 0.3 g/L - pH: 5.0- 9.0 - Blood: 5- 15 cells/µ L - Specific Gravity: 1.005- 1.030 - Ketone: 0.5- 1.0 mmol/L - Bilirubin: 3.3- 17 µ mol/L - Glucose: 2.8- 5.5 mmol/L - Quy cách: 100 test/ hộp	Test	71.000	1.785	126.735.000

VIỆ  
HỌC

ST T	Tên hàng hoá	Đặc điểm, thông số kỹ thuật hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng	Giá dự toán đã có VAT (VNĐ)	Thành tiền dự toán đã có VAT (VNĐ)
2	Que thử nước tiểu 10TS	<p>Các chỉ số đo: Glucose, Bilirubin, Ketone, pH, Blood, Protein, Nitrite, Urobilinogen, Leuk<sup>o</sup>Cyte, SG.</p> <p>Dải đo của các chỉ số:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Protein: 15- 30mg/dL albumin</li> <li>- Blood: 0.015- 0.062mg/dL hemoglobin</li> <li>- LeukoCyte: 5- 15</li> <li>- Nitrite: 0.06- 0.1mg/dL nitrite ion</li> <li>- Glucose: 75- 125mg/dL</li> <li>- Ketone: 5- 10mg/dL acetoacetic acid</li> <li>- pH: 4.6- 8.0</li> <li>- SG: 1.001- 1.035</li> <li>- Bilirubin: 0.4- 0.8mg/dL</li> <li>- Urobilinogen: 0.2EU/dL</li> </ul>	Test	10.000	8.883	88.830.000
3	Que thử thai	<p>Định tính phát hiện hCG trong nước tiểu của người. Hoạt chất chính: Kháng thể chuột kháng <math>\beta</math>hCG, kháng thể chuột kháng <math>\alpha</math>hCG. Độ nhạy tương quan: 100%, Độ đặc hiệu tương quan: 100%, Độ chính xác tương quan: 100%. Không bị gây nhiễu bởi các chất Hemoglobin 1 mg/dl, Glucose 2 g/dl, Gentisic Acid 20 mg/dl. Không bị phản ứng chéo với một số hoóc môn liên quan về cấu trúc như LH (300 mIU/mL), FSH (1000 mIU/mL) và TSH (1000 <math>\mu</math>IU/mL). Đọc kết quả tại 5 phút.</p>	Test	1.200	4.200	5.040.000
4	Test thử nhanh Morphine Heroin	<p>Định tính phát hiện Morphine trong nước tiểu của người. Hoạt chất chính: Kháng thể kháng MOP, cộng hợp MOP- BSA Ngưỡng phát hiện (cut off) 300 ng/ml.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ nhạy tương quan 100%,</li> <li>- Độ đặc hiệu tương quan 100%,</li> <li>- Độ chính xác tương quan 100%.</li> <li>- Độ chính xác ngẫu nhiên lặp 100%</li> </ul> <p>Không bị gây nhiễu bởi các chất sau tại nồng độ 100 <math>\mu</math>g/mL: 4-Acetamidophenol, N-Acetylprocainamide, Ampicillin, Aspartame. Đọc kết quả tại 5 phút</p>	Test	100	5.250	525.000

ST T	Tên hàng hoá	Đặc điểm, thông số kỹ thuật hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng	Giá dự toán đã có VAT (VNĐ)	Thành tiền dự toán đã có VAT (VNĐ)
5	Test thử ma túy 5 chân	<p>Mục đích sử dụng: Phát hiện định tính nhiều loại chất kích thích và chất chuyển hóa của chúng trong mẫu nước tiểu ở các nồng độ giới hạn khác nhau.</p> <p>- Thuốc thử: Vạch xét nghiệm chứa kháng thể đơn dòng chuột kháng thuốc và các liên hợp thuốc- protein tương ứng. Vạch chứng chứa kháng thể đa dòng kháng IgG dê và kháng thể IgG thỏ.</p> <p>- Vật liệu được cung cấp: Panel que thử, Hướng dẫn sử dụng</p> <p>- Đọc kết quả ở phút thứ 5. Không đọc kết quả sau 10 phút</p> <p>Giới hạn phát hiện:</p> <p>-THC: 50 ng/mL</p> <p>-MET: 500 ng/mL</p> <p>-MDMA: 500 ng/mL</p> <p>-MOP/OPI: 300 ng/mL</p> <p>-Ketamine: 1000 ng/mL</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016 hoặc tương đương</p>	Test	27.000	60.000	1.620.000.000
6	Que thử xét nghiệm định tính MOP/COD/HER/THC/AMP (Nước tiểu)	<p>Mẫu phẩm: Nước tiểu</p> <p>- Ngưỡng phát hiện: AMP: 500ng/mL, COD: 250ng/mL, HER: 10ng/mL, MOR: 300ng/mL, THC: 50ng/mL</p> <p>- Độ nhạy, Độ đặc hiệu, Độ chính xác lần lượt như sau: + AMP: &gt; 99.9%; &gt; 99.9%; &gt; 99.9% + COD: = 99.05%; &gt; 99.9%; = 99.38% + HER: = 99.35%; &gt; 99.9%; = 99.65% + MOP: &gt; 99.9%; &gt; 99.9%; &gt; 99.9% + THC: &gt; 99.9%; &gt; 99.9%; &gt; 99.9%</p> <p>- Đọc kết quả sau 5 phút. Không đọc kết quả sau 10 phút.</p> <p>- Độ ổn định: ổn định trong điều kiện bảo quản 2- 30°C</p> <p>Hạn sử dụng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất</p>	Test	1.000	28.000	28.000.000
7	Định tính phát hiện Ketamine trong nước tiểu của người	<p>Định tính phát hiện Ketamine trong nước tiểu của người.</p> <p>Hoạt chất chính: Kháng thể kháng KET; IgG- thỏ; Cộng hợp Ketamine- BSA; Kháng thể dê kháng IgG thỏ.</p> <p>Ngưỡng phát hiện (cut off): 1000 ng/ml.</p> <p>- Độ nhạy tương quan 100%, - Độ đặc hiệu tương quan 100%, - Độ chính xác tương quan 100%.</p> <p>Đọc kết quả tại 5 phút.</p>	Test	800	18.000	14.400.000

ST T	Tên hàng hoá	Đặc điểm, thông số kỹ thuật hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng	Giá dự toán đã có VAT (VNĐ)	Thành tiền dự toán đã có VAT (VNĐ)
<b>Lô 3: Sinh phẩm xét nghiệm bằng mẫu dịch mũi, họng, tỵ hầu</b>						
1	Khay thử xét nghiệm định tính kháng nguyên Influenza A, Influenza B	<p>Định tính phát hiện kháng nguyên vi rút cúm A/B</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản phẩm có chứng dương, chứng âm để kiểm chuẩn</li> <li>- Mẫu thử: Dịch mũi, họng, tỵ hầu</li> <li>- Vạch A: Độ nhạy tương quan: 99,34% , Độ đặc hiệu tương quan: 100%</li> <li>- Vạch B: Độ nhạy tương quan: 100% , Độ đặc hiệu tương quan: 100%</li> <li>- Thành phần Test thử:</li> </ul> <p>1. Vùng cộng hợp có màu được phủ sẵn cộng hợp kháng thể kháng influenza-A và B (cộng hợp kháng thể).</p> <p>2. Màng nitrocellulose có chứa hai vạch kết quả (vạch A và B) và một vạch chứng (vạch C). Vạch A phủ sẵn kháng thể kháng influenza-A, vạch B phủ sẵn kháng thể kháng influenza-B và vạch C phủ sẵn kháng thể kiểm chứng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không phản ứng chéo: Kháng nguyên NPSARS-coronavirus, Kháng nguyên NPMERS-coronavirus, Kháng nguyên NP Human, coronavirus HKU1, Human coronavirus, Adenovirus, Parainfluenza virus...</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016 hoặc tương đương</li> </ul>	Test	5.000	73.000	365.000.000
2	Khay thử định tính phát hiện kháng nguyên SARS-CoV-2	<p>Khay thử định tính phát hiện kháng nguyên protein nucleocapsid từ SARS-CoV-2 trong mẫu ngoáy dịch tỵ hầu của người.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ nhạy tương quan: 97,6%</li> <li>- Độ đặc hiệu tương quan: 99,5%</li> <li>- Độ chính xác tương quan: 99,1%</li> </ul> <p>Que chứng âm, chứng dương được cung cấp kèm theo mỗi hộp để kiểm tra sự chính xác của sản phẩm</p> <p>Ngưỡng phát hiện (LoD) <math>1,6 \cdot 10^2</math> TCID<sub>50</sub>/mL.</p> <p>Phát hiện được những biến chủng của SARS-CoV-2: BA.2.86, BA.2.86.1, XBB.1.16.6, JN.1 (BA.2.86.1.1)</p> <p>Không bị lây nhiễm chéo bởi Virus RSV và Rhino ở nồng độ <math>3,15 \cdot 10^5</math> TCID<sub>50</sub>/mL</p> <p>Kết quả thử nghiệm trên bộ mẫu chuẩn của NICVB: Độ nhạy 100%, độ đặc hiệu 100%</p> <p>Kết quả thử nghiệm của FIND (Thụy Sĩ) với phương pháp PCR, Ct ≤ 25: độ nhạy 100%</p>	Test	2.850	34.223	97.535.550

ST T	Tên hàng hoá	Đặc điểm, thông số kỹ thuật hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng	Giá dự toán đã có VAT (VNĐ)	Thành tiền dự toán đã có VAT (VNĐ)
3	Que thử xét nghiệm định tính kháng nguyên RSV	<p>Phát hiện định tính kháng nguyên virus hợp bào hô hấp từ mẫu hút dịch tỵ hầu (NPA).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ nhạy: 92.3%, Độ đặc hiệu: 93.3% so với phương pháp nuôi cấy và miễn dịch huỳnh quang.</li> <li>- Dạng que.</li> <li>- Đọc kết quả trong 15 phút</li> <li>- Giới hạn phát hiện: 410,156 ng/ml Virus hợp bào hô hấp</li> <li>- Ổn định ít nhất 72 giờ sau khi mở túi nhôm</li> <li>- Thành phần: Dung dịch phức hợp vàng: <ul style="list-style-type: none"> <li>Chất keo màu vàng kháng RSV đơn dòng chuột</li> <li>+ Vạch thử: Kháng thể kháng RSV đơn dòng chuột</li> <li>+ Vạch chứng: Kháng thể dê kháng IgG chuột</li> </ul> </li> <li>- Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE hoặc tương đương</li> </ul>	Test	400	120.000	48.000.000
<b>Tổng: 03 lô (24 danh mục)</b>			<b>Tổng tiền:</b>		<b>5.620.339.379</b>	

*Bảng chữ: Năm tỷ sáu trăm hai mươi triệu ba trăm ba mươi chín nghìn ba trăm bảy mươi chín đồng./.*